TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 99/2019/QĐST - HNGĐ	*ĐH, ngày 15 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2019, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 37/2019/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019,

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2019 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1990

- Bị đơn: Anh Nguyễn Việt D, sinh năm 1982

Cùng nơi cư trú: Xóm TT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Anh Nguyễn Việt D và chị Nguyễn Thị Kim C xác định tài sản chung yêu cầu chia là 01 ngôi nhà cấp 4, mái thái, diện tích 120m^2, xây dựng năm 2017 tại xóm TT, xã H T đã được cấp GCNQSD đất mang tên Nguyễn Việt D (nhà xây trên các thửa 406, 431 tờ bản đồ số 32 và một phần các thửa 416, 417 tờ bản đồ số 32 của bố mẹ đẻ anh Nguyễn Việt D). Hai bên tự định giá giá trị ngôi nhà là

300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Anh Nguyễn Việt D được quyền sở hữu ngôi nhà và có trách nhiệm thanh toán cho chị Nguyễn Thị Kim C số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) tiền chênh lệch giá trị tài sản chung. Phần giá trị tài sản anh Nguyễn Việt D được sở hữu là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

- Anh Nguyễn Việt D sẽ thanh toán số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) cho chị Nguyễn Thị Kim C thành 03 lần, cụ thể như sau:

Lần 01: Ngày 30/7/2019 anh Nguyễn Việt D sẽ thanh toán cho chị Nguyễn Thị Kim C số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Lần 02: Ngày 30/8/2019 anh Nguyễn Việt D sẽ thanh toán tiếp cho chị Nguyễn Thị Kim C số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Lần 3: Ngày 30/9/2019 anh Nguyễn Việt D sẽ thanh toán nốt cho chị Nguyễn Thị Kim C số tiền còn lại là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

- Chị Nguyễn Thị Kim C được sở hữu 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) là giá trị chênh lệch tài sản chung do anh Nguyễn Việt D thanh toán.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

+ Về án phí: Các đương sự thống nhất mỗi người phải nộp 50% mức án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia, cụ thể:

- Chị Nguyễn Thị Kim C phải nộp 3,750,000 đồng (ba triệu bẩy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 12,600,000đ (Mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH theo biên lai số 0016243 ngày 22/02/2019. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim C số tiền 8,850,000đ (Tám triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

- Anh Nguyễn Việt D phải nộp 3,750,000 đồng (ba triệu bẩy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung công quỹ Nhà nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện ĐH;
- Chi cục THADS huyện ĐH;
- Lưu hồ sơ vụ án, bộ phận HNGĐ;

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thủy